

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 9 - 2024

V/v “Tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước.

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2024/TLST-DS ngày 02/7/2024 về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2024/QĐXX-DS ngày 22/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131A/2024/QĐST-DS ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ thường trú: số nhà A, tổ A, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị T là: ông Huỳnh Văn V, sinh năm 1996.

Địa chỉ: tổ B, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2024). (Có mặt).

2. *Bị đơn:* bà Phan Thị L, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 19/8/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Huỳnh Văn V (ông V là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T) trình bày: vào tháng 02 năm 2019, bà Nguyễn Thị T (sau đây gọi là bà T) có thuê bà Phan Thị L (sau đây gọi là bà L) dọn dẹp nhà cửa. Đến tháng 01 năm 2022, do bận làm Công ty và may gia công nên bà L ngưng công việc dọn dẹp nhà cho bà T.

Tháng 02 năm 2022, bà T cho gia đình bà L thuê nhà tại địa chỉ A, tổ A, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương để mở rộng may gia công. Gia đình bà T chuyển sang nhà mới cách đó khoảng 1,5km. Đến tháng 3 năm 2022, do thiếu vốn làm ăn nên bà L vay của bà T 550.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 06%/năm (mỗi tháng bà L trả lãi suất 2.800.000 đồng), trả lãi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Thời hạn vay đến tháng 4 năm 2023 phải trả dứt nợ. Khi vay các bên có làm Giấy cho vay tiền ký ngày 01/3/2022.

Bà L đã đóng lãi theo thỏa thuận từ khi vay đến hết tháng 9 năm 2022. Tuy nhiên, từ tháng 10 năm 2022 bà L không đóng lãi, không trả gốc và không còn cư trú tại địa chỉ A, tổ A, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; đồng thời chặn điện thoại, Z nên bà T không liên lạc được với bà L.

Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu bà L phải trả cho bà T số tiền gốc là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy cho vay tiền ngày 01/3/2022; buộc bà L phải trả lãi suất vay theo hợp đồng kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/4/2023; đồng thời trả lãi quá hạn trên nợ gốc kể từ ngày 01/5/2023 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi suất quá hạn mà chỉ yêu cầu bà L trả cho bà T số tiền gốc là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất 0,5%/tháng (06%/năm) kể từ ngày 01/10/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Phan Thị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, buộc bị đơn bà Phan Thị L có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc 550.000.000 đồng, lãi suất vay 0,5%/tháng kể từ ngày 01/10/2022 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phan Thị L có nơi thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà L đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập bà L đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Phan Thị L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền gốc 550.000.000 đồng và trả lãi suất vay theo hợp đồng (06%/năm) kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 01/10/2022) cho đến khi xét xử sơ thẩm.

[3.1] Xét, chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Giấy vay tiền ngày 01/3/2022 do bà Phan Thị L ký vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn bà L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ nhưng bà L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không lý do và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 550.000.000 đồng.

[4] Xét, giữa bà T và bà L có xác lập hợp đồng vay tiền ngày 01/3/2022. Theo đó, bà L vay của bà T 550.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 06%/năm, trả lãi hàng tháng, thời hạn trả gốc là tháng 4 năm 2023. Kể từ khi vay, bà L đóng lãi hàng tháng theo thỏa thuận đến hết tháng 9 năm 2022 thì ngưng không đóng nữa nên bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả gốc và lãi số tiền nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tiền giữa bà T và bà L là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền, nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 01/10/2022 nên bà T yêu cầu bà L trả số tiền 550.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với

quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[5] Xét về lãi suất: tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả lãi suất vay theo hợp đồng (06%/năm) kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày 30/4/2023; đồng thời trả lãi quá hạn trên nợ gốc kể từ ngày 01/5/2023 đến khi xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện giảm bớt mức lãi suất cho bị đơn (không yêu cầu tính lãi quá hạn), mà chỉ yêu cầu mức lãi suất 6%/năm (0,5%/tháng) kể từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 01/10/2022) cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay,.....”

Xét, mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá 20%/năm nên căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận với mức lãi suất 06%/năm (tương đương 0,5%/tháng) của nguyên đơn. Tiền lãi được tính từ ngày bà L vi phạm nghĩa vụ trả lãi (ngày 01/10/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (27/9/2024) là 23 tháng 26 ngày. Người đại diện của nguyên đơn tự nguyện làm tròn là 23,5 tháng. Như vậy, lãi suất được tính như sau: (tiền gốc 550.000.000 đồng x 0,5%) x 23,5 tháng = 64.625.000 đồng (tiền lãi).

Tổng số gốc và lãi là: (550.000.000 đồng + 64.625.000 đồng) = 614.625.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà Phan Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền gốc, lãi là 614.625.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà T không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1.1. Buộc bà Phan Thị L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 614.625.000 đồng (sáu trăm mười bốn triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị L phải chịu 28.585.000 đồng (hai mươi tám triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí nên được nhận lại 14.485.000 đồng (mười bốn triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014022, ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Hân Em